BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

Số: 723/QĐ-ĐHCNQN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô, mã ngành 7510205, theo hình thức chính quy đào tạo theo tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

Căn cứ Luật số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 về Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐT ngày 6 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng Trường về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 về Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 300/QĐ-ĐHCNQN ngày 05 tháng 7 năm 2021 ban hành kèm theo Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 184/QĐ-ĐHCNQN ngày 04 tháng 4 năm 2024 về việc xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo và Quy trình rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô trình độ đại học chính quy theo tín chỉ của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

(Có danh mục 65 đề cương chi tiết học phần trong chương trình đào tạo kèm theo)

Điều 2. Chương trình đào tạo đại học theo hình thức chính quy được áp dụng chung với các đối tượng người học khác nhau khi đăng ký học và trúng tuyển học theo hình thức đào tạo đại học chính quy của trường, bao gồm: Người học tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương; học liên thông đối với người học có văn bằng khác (người học đã tốt nghiệp các trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp; người đã tốt nghiệp đại học); người học tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng học liên thông lên trình độ đại học.

Điều 3. Chương trình trình đào tạo đại học chính quy tại Điều 1 được công bố công khai trên Website của trường tại địa chỉ: http://qui.edu.vn

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và triển khai áp dụng đối với các khoá tuyển sinh, đào tạo đại học chính quy sau ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Điều 5. Các ông (bà) Trưởng, phụ trách các đơn vị trong toàn trường căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Ban Giám hiệu (02);
- Như điều 6;
- Website trường;
- Lưu VT, ĐT (05).

HIỆU TRƯỞNG

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

TS. Hoàng Hùng Thắng

DANH MỤC ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC CHÍNH QUY
(Kèm theo Quyết định số 723/QĐ-ĐHCNQN ngày 02 tháng 12 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	Bộ môn quản lý học phần	Họ và tên Giảng viên biên soạn
1	02DHOTO101	Kỹ thuật nhiệt	2	30	0	CKOTO	Bùi Công Viên
2	ĐHCQ0330	Tin học ứng dụng ngành (CNKTOTO)	3	30	30	CKOTO	Bùi Công Viên
3	02DHOTO301	Nhiên liệu, dầu, mỡ và chất tẩy rửa	2	30	0	CKOTO	Nguyễn Bá Thiện
4	02DHOTO357	Hệ thống điện động cơ	3	45	0	CKOTO	Nguyễn Bá Thiện
5	ĐHCQ0077	Hệ thống điện thân xe	3	45	0	CKOTO	Nguyễn Bá Thiện
6	02DHOTO364	Thực tập động cơ F1	3	0	90	CKOTO	Nguyễn Bá Thiện
7	02DHOTO365	Thực tập động cơ F2	3	0	90	CKOTO	Nguyễn Bá Thiện
8	ĐHCQ0332	Thực tập hệ thống điện động cơ	3	0	90	CKOTO	Nguyễn Bá Thiện
9	ĐHCQ0333	Thực tập hệ thống điện thân xe	3	0	90	CKOTO	Nguyễn Bá Thiện
10	02DHOTO323	Thực tập kỹ thuật lái xe	3	0	90	CKOTO	Nguyễn Bá Thiện
11	ĐHCQ0334	Thực tập cuối khoá	12	0	600	CKOTO	Nguyễn Bá Thiện
12	ĐHCQ0335	Khóa luận tốt nghiệp	8	0	240	CKOTO	Nguyễn Bá Thiện
13	02DHOTO355	Động cơ đốt trong F1	3	45	0	CKOTO	Nguyễn Sĩ Sơn
14	02DHOTO356	Động cơ đốt trong F2	2	30	0	CKOTO	Nguyễn Sĩ Sơn
15	02DHOTO362	Kỹ thuật sửa chữa ô tô	3	30	30	CKOTO	Nguyễn Sĩ Sơn
16	ĐHCQ0228	Thực tập kỹ thuật bảo dưỡng ô tô	3	0	90	CKOTO	Nguyễn Sĩ Sơn
17	ĐHCQ0230	Thực tập kỹ thuật sửa chữa ô tô	3	0	90	CKOTO	Nguyễn Sĩ Sơn
18	ĐHCQ0336	Thực tập hiệu chỉnh ô tô	4	0	120	CKOTO	Nguyễn Sĩ Sơn
19	ĐHCQ0337	Thực tập chẩn đoán ô tô	4	0	120	CKOTO	Nguyễn Sĩ Sơn
20	ĐHCQ0329	Kết cấu ô tô	4	60	0	CKOTO	Nguyễn Văn Hậu
21	02DHOTO361	Lý thuyết ô tô	2	30	0	CKOTO	Nguyễn Văn Hậu

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	Bộ môn quản lý học phần	Họ và tên Giảng viên biên soạn
22	ĐHCQ0227	Thực tập hộp số tự động	3	0	90	CKOTO	Nguyễn Văn Hậu
23	ĐHCQ0226	Thực tập hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	0	60	CKOTO	Nguyễn Văn Hậu
24	ĐHCQ0331	Thực tập gầm ô tô	4	0	120	CKOTO	Nguyễn Văn Hậu
25	02DHOTO309	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	30	0	CKOTO	Phạm Thị Như Trang
26	QPAN2020_1	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	3	45	0	GDQPAN-TC	Đoàn Quang Hậu
27	QPAN2020_2	Công tác quốc phòng an ninh	2	30	0	GDQPAN-TC	Đoàn Quang Hậu
28	QPAN2020_3	Quân sự chung	1,5	14	16	GDQPAN-TC	Đoàn Quang Hậu
29	QPAN2020_4	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	4	56	GDQPAN-TC	Đoàn Quang Hậu
30	ĐHCQ0072	Giáo dục thể chất 1	1	0	30	GDQPAN-TC	Phạm Thị Thu Hà
31	ĐHCQ0073	Giáo dục thể chất 2	2	0	60	GDQPAN-TC	Phạm Thị Thu Hà
32	ĐHCQ0074	Giáo dục thể chất 3	1	0	30	GDQPAN-TC	Phạm Thị Thu Hà
33	02TINHOC101	Nhập môn tin học	3	30	30	KHMT	Đoàn Thùy Dương
34	ĐHCQ0327	Vẽ kỹ thuật	3	30	30	KTCS	Bùi Công Viên
35	02KTHUAT102	Sức bền vật liệu	2	30	0	KTCS	Phạm Thị Như Trang
36	02DHCKT109	Cơ học lý thuyết	3	45	0	KTCS	Vi Thị Nhung
37	ĐHCQ0328	Chi tiết máy	2	30	0	KTCS	Vi Thị Nhung
38	ĐHCQ0044	Đồ án chi tiết máy	1	0	30	KTCS	Vi Thị Nhung
39	02dientu201	Kỹ thuật điện - điện tử	2	30	0	KTĐ, ĐT	Đoàn Thị Như Quỳnh
40	02LUAT101	Pháp luật đại cương	2	30	0	LLCT	Lê Thị Hằng
41	ĐHCQ0123	Kỹ năng mềm	3	30	30	LLCT	Nguyễn Thị Hải Ninh
42	02CHINHTRI304	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0	LLCT	Nguyễn Thị Nhung
43	02CHINHTRI303	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	0	LLCT	Nguyễn Thị Thu Hằng
44	02KHXH105	Văn hóa kinh doanh	2	30	0	LLCT	Nguyễn Thị Thu Hằng
45	02CHINHTRI201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	LLCT	Trần Thị Hoàn
46	02CHINHTRI305	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	LLCT	Trần Thị Hoàn

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	Bộ môn quản lý học phần	Họ và tên Giảng viên biên soạn
47	02CHINHTRI302	Triết học Mác - Lênin	3	45	0	LLCT	Vũ Ngọc Hà
48	02KHXH103	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	30	0	LLCT	Vũ Ngọc Hà
49	02HOAHOC101	Hóa học đại cương	2	30	0	Lý - hóa	Nguyễn Thị Như Hoa
50	02VATLY101	Vật lý đại cương	4	45	30	Lý - hóa	Nguyễn Thị Thanh Hoa
51	02DHKTHUAT105	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	30	0	M&TB	Đào Đức Hùng
52	02DHKTHUAT107	Công nghệ kim loại	2	30	0	M&TB	Đào Đức Hùng
53	ĐHCQ0125	Kỹ thuật an toàn và môi trường cơ khí	2	30	0	M&TB	Lê Quý Chiến
54	02DHcokhi462	Thủy lực đại cương	2	30	0	M&TB	Lê Quý Chiến
55	02cokhi431	Truyền động thủy lực và khí nén	3	30	30	M&TB	Lê Quý Chiến
56	ĐHCQ0222	Thực tập cơ khí (3TC)	3	0	90	M&TB	Nguyễn Mạnh Hùng
57	02DHmaymo311	Vật liệu cơ khí	2	30	0	M&TB	Phạm Quang Tiến
58	ĐHCQ0326	Tiếng Anh ngành công nghệ kỹ thuật ô tô	2	30	0	NN	Bùi Thị Huyền
59	02TANH101	Tiếng Anh cơ bản 1	4	53	15	NN	Mai Thị Huyền
60	02TANH102	Tiếng Anh cơ bản 2	4	53	15	NN	Vũ Thị Thái
61	ĐHCQ0117	Khởi nghiệp	2	30	0	QTKD	Bùi Thị Thúy Hằng
62	02KINHTE100	Kinh tế học đại cương	2	30	0	QTKD	Đặng Thị Thu Giang
63	02quantri311	Quản trị kinh doanh	2	30	0	QTKD	Trần Thị Thu Lan
64	02TOAN101	Toán cao cấp 1	3	45	0	Toán	Phạm Ngọc Hải
65	02TOAN202	Toán cao cấp 2	3	45	0	Toán	Trần Thị Thùy Dung

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 723/QĐ-ĐHCNQN ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh)

Chương trình đào tạo: Công nghệ kỹ thuật ô tô
Automotive Engineering Technology
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Công nghệ kỹ thuật ô tô
Mã ngành: 7510205
Bằng tốt nghiệp: Kỹ sư
Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
Khối lượng kiến thức toàn khoá: 154 tín chỉ
(không bao gồm các học phần điều kiện và học phần tự chọn tuỳ ý)
Thời lượng đào tạo: 4,5 năm

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Công nghệ kỹ thuật ô tô, được xây dựng và nâng cấp trên cơ sở chuyên ngành đào tạo Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí ô tô thuộc chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ khí.

Chương trình được rà soát đáng giá cập nhật điều chỉnh bổ sung năm 2022.

2. Mục tiêu chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Kỹ sư ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô có phẩm chất chính trị, có đạo đức, có sức khỏe; thích nghi với môi trường làm việc, có trách nhiệm với nghề nghiệp, có kiến thức về KHCB, LLCT, GDQPAN, Ngoại ngữ, tin học, có kiến thức về cơ sở và chuyên môn vững vàng, có năng lực sáng tạo khoa học kỹ thuật, có khả năng làm việc nhóm, khả năng làm việc độc lập, ứng dụng chuyển giao công nghệ phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, có khả năng giải quyết các vấn đề chuyên môn thuộc lĩnh vực ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô. Trang bị cho người học có đầy đủ kiến thức và khả năng nhận thức, tính toán, thực thi và vận hành các sản phẩm, hệ thống hay các chu trình kỹ thuật, từ đó xây dựng cho mình kỹ năng lãnh đạo và có thể hướng tới khởi nghiệp trong lĩnh vực Kỹ thuật ô tô.

2.2. Mục tiêu cụ thể

PO1. Có Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh để vận dụng giải quyết các vấn đề thực tiễn;

PO2. Có kiến thức về toán học, khoa học tự nhiên để tiếp thu kiến thức chuyên môn và học tập nâng cao trình độ;

PO3. Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.

PO4. Ứng dụng kiến thức cơ sở ngành trong giải quyết các vấn đề về lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật ô tô, tiếp tục học tập và phát triển kiến thức chuyên ngành;

PO5. Có kiến thức chuyên môn sâu, ứng dụng kiến thức trong giải quyết các vấn đề về lĩnh vực Công nghệ Kỹ thuật ô tô, đồng thời có thể thích ứng tốt với những công việc khác nhau trong lĩnh vực rộng.

PO6. Có năng lực về ngoại ngữ, tin học, kỹ năng lập luận, tính toán đáp ứng nhu cầu của công việc thực tế.

PO7. Có kỹ năng đánh giá, phân tích, tổng hợp, tư duy sáng tạo, năng lực dẫn dắt, giải quyết vấn đề.

PO8. Sử dụng được ngôn ngữ Tiếng Anh chuyên ngành trong trình bày ý tưởng, phân tích và phản biện các vấn đề của lĩnh vực kỹ thuật ô tô. Có năng lực lập dự án, quy trình công nghệ sửa chữa, lên kế hoạch chi tiết giải quyết các vấn đề chuyên môn kỹ thuật ô tô.

PO9. Có năng lực tư duy, phân tích, chẩn đoán lỗi, đưa ra các phương án thay thế sửa chữa thích hợp về các vấn đề kỹ thuật trên ô tô, kỹ năng quản lý, kinh doanh dịch vụ ô tô.

PO10. Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.

PO11. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ phân tích, chẩn đoán lỗi, đưa ra các phương án thay thế sửa chữa thích hợp về các vấn đề kỹ thuật trên ô tô, kỹ năng quản lý, kinh doanh dịch vụ ô tô.

PO12. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

PO13. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động trong các trung tâm đào tạo, huấn luyện tại các công ty, doanh nghiệp kinh doanh ô tô- máy động lực và trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp nghề.

PO14. Ý thức tự học tập, khả năng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau, tích luỹ kiến thức kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

3.1. Kiến thức

+ Kiến thức giáo dục đại cương

KT1. Hiểu được Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học, lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh, pháp luật đại cương, kinh tế học đại cương, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, vận dụng được các kiến thức LLCT, văn hoá kinh doanh, khởi nghiệp, kỹ năng mềm giáo dục quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất trong việc giải quyết các vấn đề thực tiễn.

KT2.Vận dụng kiến thức về toán học, khoa học tự nhiên và ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

KT3. Có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc. Đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

+ Kiến thức cơ sở ngành

KT4. Vận dụng kiến thức về cơ sở ngành hiểu được cấu tạo, nguyên lý hoạt động và phương pháp chung thiết kế các hệ thống cơ khí, hệ cơ điện tử trên ô tô.

+ Kiến thức chuyên ngành

KT5. Vận dụng các kiến thức về điện- điện tử trên ô tô, kiến thức vi xử lý, đọc các sơ đồ mạch điện, phân tích, chẩn đoán lỗi, đưa ra các phương án kiểm tra thay thế sửa chữa thích hợp các hệ thống điện và điều khiển điện tử trên ô tô, các hệ thống cơ điện tử trên ô tô.

KT6. Vận dụng các kiến thức chuyên ngành kỹ thuật ô tô vào công việc vận hành, sửa chữa, khai thác lắp ráp, bảo dưỡng ô tô có hiệu quả. Có kiến thức về lập quy trình công nghệ, dự toán cho sửa chữa ô tô cấp trung tu và đại tu; Đánh giá tác động của các chất độc hại từ nguồn khí xả từ động cơ ô tô đến môi trường sống và sức khỏe con người;

3.2. Kỹ năng

KN1. Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

KN2. Thực hiện các hoạt động, các thao tác tính toán chính xác, linh hoạt trong lĩnh vực được học.

KN3. Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn.

KN4. Có năng lực chuyên môn tay nghề cao thực hiện công việc trung tu, đại tu các loại động cơ, bảo dưỡng và sửa chữa các hệ thống khung gầm, hệ thống điện, hệ thống điều khiển tự động, hệ thống điều hòa không khí và hộp số tự động. Chẩn đoán chính xác và sửa chữa được các lỗi hư hỏng đối với động cơ, hệ thống điện, hệ thống điều khiển trên ô tô.

KN5. Kỹ năng xây dựng các phương án và giải pháp cho lĩnh vực kỹ thuật ô tô. Kết hợp các kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành cơ khí ô tô trong các điều kiện và hoàn cảnh khác nhau. Tổ chức và điều hành doanh nghiệp cơ khí Ô tô; Mở rộng và phát triển thêm kiến thức về doanh nghiệp, thị trường để tìm việc làm và tự tạo việc làm.

KN6. Sử dụng năng lực dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ chẩn đoán, bảo dưỡng sửa chữa ô tô, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao. Diễn giải được những kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

TC1. Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

TC2. Có khả năng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

TC3. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân thuộc lĩnh vực Kỹ thuật ô tô.

TC4. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động sản xuất liên quan đến ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô.

TC5. Thể hiện ý thức trách nhiệm cá nhân, có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình. Ý thức học tập, khả năng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau, tích luỹ kiến thức kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Bảng 1. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT (PO)	Chuẩn đầu ra CTĐT																
	KIẾN THỨC						KỸ NĂNG						MỨC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM				
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KT6	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TC1	TC2	TC3	TC4	TC5
PO1	x																
PO2		x					x										
PO3			x														
PO4				x													
PO5					x	x		x	x								
PO6						x				x							
PO7												x					
PO8											x			x			
PO9									x	x							
PO10													x				
PO11														x			
PO12															x		
PO13																x	
PO14																	x

3.4. Vị trí làm việc của người học sau tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô có thể đảm nhận các vị trí công việc sau:

- Kỹ thuật viên bảo dưỡng và sửa chữa ô tô; Giám sát xưởng; Kỹ sư tư vấn về kỹ thuật và dịch vụ, dịch vụ khách hàng tại các đại lý, garage ô tô, các công ty hoạt động trong lĩnh vực liên quan đến ô tô;

- Kỹ sư vận hành, Kỹ sư đảm bảo/kiểm tra chất lượng sản phẩm tại các nhà máy sản xuất phụ tùng, dây chuyền sản suất và lắp ráp ô tô;

- Chuyên viên tư vấn bán hàng trong các công ty về phụ tùng, công ty và đại lý kinh doanh ô tô;

- Kỹ sư thiết kế trong các lĩnh vực tự động hoá nông nghiệp, xe chuyên dùng và ứng dụng năng lượng thay thế và tái tạo trên các máy móc liên quan đến ô tô và máy động lực;

- Đăng kiểm viên trong các trạm đăng kiểm các phương tiện xe cơ giới;

- Giảng viên tại các trường đào tạo nghề nghiệp về kỹ thuật liên quan đến ô tô;

- Bên cạnh đó, các kỹ sư công nghệ ô tô cũng có các cơ hội để phát triển sự nghiệp cho các vị trí quản lý kỹ thuật, quản lý sản xuất và vận hành trong các nhà máy sản xuất và lắp ráp xe hơi, các công ty cung cấp phụ tùng cho nền công nghiệp ô tô, và các cơ hội để khởi nghiệp trong các ngành nghề liên quan đến bảo dưỡng, sửa chữa và kinh doanh ô tô. Người tốt nghiệp cũng có thể làm ở các vị trí, lĩnh vực gần hoặc lĩnh vực có liên quan khác;

- Tham gia hội nhập vào thị trường lao động trong khu vực và quốc tế.

4. Tuyển sinh, chuẩn đầu vào và điều kiện tốt nghiệp:

- Chuẩn đầu vào: Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô là người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

- Đối tượng tuyển sinh:

+ Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo.

+ Người có bằng tốt nghiệp đại học các ngành khác của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh hoặc của các trường đại học khác có thể học chương trình thứ hai theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo quy định của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

- Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học (phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ, hình thức đào tạo chính quy) và các văn bản hiện hành, được cụ thể hóa theo quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

5. Phương thức đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ, được quy định trong quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

6. Khung Chương trình đào tạo

STT	Mã HP	Tên Học phần	Số TC	Số tiết			Học kỳ	Mã HP tiên quyết	Mã HP kế tiếp
				LT	TH/ BT/ TL	Tự học			
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương									
1.1 Nhóm học phần bắt buộc									
		Lý luận chính trị	**11**	**165**	**0**	**385**			
1	02CHINHTRI302	Triết học Mác - Lênin	3	45	0	105	I		
2	02CHINHTRI303	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	0	70	II		
3	02CHINHTRI201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	70	III		
4	02CHINHTRI304	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0	70	V		
5	02CHINHTRI305	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	70	IV		
		Ngoại ngữ	**10**	**135**	**30**	**335**			
6	02TANH101	Tiếng Anh cơ bản 1	4	53	15	132	I		
7	02TANH102	Tiếng Anh cơ bản 2	4	53	15	132	II		
8	ĐHCQ0326	Tiếng Anh ngành công nghệ kỹ thuật ô tô	2	30	0	70	VII		
		Khoa học xã hội – Nhân văn	**8**	**120**	**0**	**280**			
9	02KHXH103	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	30	0	70	III		
10	02LUAT101	Pháp luật đại cương	2	30	0	70	IV		
11	02KINHTE100	Kinh tế học đại cương	2	30	0	70	V		
12	02quantri311	Quản trị kinh doanh	2	30	0	70	V		
		Toán-Khoa học tự nhiên-Tin	**17**	**225**	**60**	**565**			
13	02TOAN101	Toán cao cấp 1	3	45	0	105	I		
14	02TOAN202	Toán cao cấp 2	3	45	0	105	II		
15	02VATLY101	Vật lý đại cương	4	45	30	125	II		
16	02HOAHOC101	Hóa học đại cương	2	30	0	70	II		
17	02TINHOC101	Nhập môn tin học	3	30	30	90	I		
18	ĐHCQ0125	Kỹ thuật an toàn và môi trường cơ khí	2	30	0	70	VI		
		Kỹ năng mềm	**3**	**30**	**30**	**90**			
19	ĐHCQ0123	Kỹ năng mềm	3	30	30	90	II		
Cộng nhóm: Nhóm học phần bắt buộc			**49**	**675**	**120**	**1655**			
1.2. Nhóm học phần tự chọn - phải đạt 02 TC									
20	ĐHCQ0117	Khởi nghiệp	2	30	0	70	III		
21	02KHXH105	Văn hóa kinh doanh	2	30	0	70	III		

Cộng nhóm: Nhóm học phần tự chọn			**2**	**30**	**0**	**70**			
1.3. Nhóm học phần điều kiện									
		Giáo dục thể chất	**4**	**0**	**120**	**80**			
22	ĐHCQ0072	Giáo dục thể chất 1	1	0	30	20	II		
23	ĐHCQ0073	Giáo dục thể chất 2	2	0	60	40	III		
24	ĐHCQ0074	Giáo dục thể chất 3	1	0	30	20	IV		
		Giáo dục QPAN	**8.5**	**93**	**72**	**260**			
25	QPAN2020-1	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	3	45	0	105	I		
26	QPAN2020-2	Công tác quốc phòng an ninh	2	30	0	70	I		
27	QPAN2020-3	Quân sự chung	1,5	14	16	45	I		
28	QPAN2020-4	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	4	56	40	I		
Cộng nhóm: Nhóm học phần điều kiện			**12.5**	**93**	**192**	**340**			
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp									
2.1. Khối kiến thức cơ sở ngành									
Nhóm học phần bắt buộc									
29	02DHCKT109	Cơ học lý thuyết	3	45	0	105	III		
30	02KTHUAT102	Sức bền vật liệu	2	30	0	70	III		
31	ĐHCQ0327	Vẽ kỹ thuật	3	30	30	90	III		
32	02DHOTO101	Kỹ thuật nhiệt	2	30	0	70	III		
33	02DHcokhi462	Thủy lực đại cương	2	30	0	70	IV		
34	02dientu201	Kỹ thuật điện - điện tử	2	30	0	70	IV		
35	ĐHCQ0328	Chi tiết máy	2	30	0	70	IV		
Cộng nhóm: Kiến thức cơ sở ngành			**16**	**225**	**30**	**545**			
2.2. Khối kiến thức ngành									
Nhóm học phần bắt buộc									
36	02DHmaymo311	Vật liệu cơ khí	2	30	0	70	IV		
37	02DHKTHUAT105	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	30	0	70	III		
38	02DHKTHUAT107	Công nghệ kim loại	2	30	0	70	IV		
39	ĐHCQ0222	Thực tập cơ khí	3	0	90	60	V		
40	ĐHCQ0044	Đồ án chi tiết máy	1	0	30	20	V		
41	02cokhi431	Truyền động thủy lực và khí nén	3	30	30	90	IV		
Cộng nhóm: Khối kiến thức ngành			**13**	**120**	**150**	**380**			
2.3. Khối kiến thức chuyên ngành									
Nhóm học phần bắt buộc									
42	02DHOTO301	Nhiên liệu, dầu, mỡ và chất tẩy rửa	2	30	0	70	VI		
43	02DHOTO355	Động cơ đốt trong F1	3	45	0	105	V		
44	02DHOTO356	Động cơ đốt trong F2	2	30	0	70	VII		

45	02DHOTO357	Hệ thống điện động cơ	3	45	0	105	VI		
46	ĐHCQ0077	Hệ thống điện thân xe	3	45	0	105	VII		
47	ĐHCQ0329	Kết cấu ô tô	4	60	0	140	V		
48	02DHOTO361	Lý thuyết ô tô	2	30	0	70	VI		
49	02DHOTO362	Kỹ thuật sửa chữa ô tô	3	30	30	90	VI		
50	ĐHCQ0330	Tin học ứng dụng ngành (CNKTOTO)	3	30	30	90	VI		
51	02DHOTO309	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	30	0	70	VII		
52	ĐHCQ0227	Thực tập hộp số tự động	3	0	90	60	VIII		
53	ĐHCQ0226	Thực tập hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	0	60	40	VIII		
54	02DHOTO364	Thực tập động cơ F1	3	0	90	60	VI		
55	02DHOTO365	Thực tập động cơ F2	3	0	90	60	VIII		
56	ĐHCQ0331	Thực tập gầm ô tô	4	0	120	80	VII		
57	ĐHCQ0332	Thực tập hệ thống điện động cơ	3	0	90	60	VII		
58	ĐHCQ0333	Thực tập hệ thống điện thân xe	3	0	90	60	VIII		
Cộng nhóm: Nhóm học phần bắt buộc			**48**	**375**	**690**	**1335**			
Nhóm học phần tự chọn - phải đạt: 6 TC									
59	ĐHCQ0228	Thực tập kỹ thuật bảo dưỡng ô tô	3	0	90	60	VIII		
60	ĐHCQ0230	Thực tập kỹ thuật sửa chữa ô tô	3	0	90	60	VIII		
61	02DHOTO323	Thực tập kỹ thuật lái xe	3	0	90	60	VIII		
Cộng nhóm: Nhóm học phần tự chọn			**6**	**0**	**180**	**120**			
2.4. Nhóm học phần tốt nghiệp - phải đạt 20 TC									
62	ĐHCQ0334	Thực tập cuối khoá	12	0	600	0	IX		
63	ĐHCQ0335	Khóa luận tốt nghiệp	8	0	240	160	IX		
		Hoặc các môn thi thay thế Khóa luận tốt nghiệp	8	0	240	160			
64	ĐHCQ0336	Thực tập hiệu chỉnh ô tô	4	0	120	80	IX		
65	ĐHCQ0337	Thực tập chẩn đoán ô tô	4	0	120	80	IX		
Cộng nhóm: **Học phần tốt nghiệp**			**20**	**0**	**840**	**160**			
Tổng số tín chỉ bắt buộc: **146**; Tổng số tín chỉ các nhóm tự chọn: **8**									
		Tổng	**154**	**1426**	**2010**	**4264**			

7. Ma trận tích hợp Học phần - Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Ma trận kỹ năng)

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (CĐR)																
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ, trách nhiệm				
			KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KT6	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TC1	TC2	TC3	TC4	TC5
I		**Khối kiến thức giáo dục đại cương**																	
		Nhóm học phần bắt buộc																	
		Lý luận chính trị																	
1	02CHINHTRI302	Triết học Mác - Lênin	3								3				3				3
2	02CHINHTRI303	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3								3				3				3
3	02CHINHTRI201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3								3				3				3
4	02CHINHTRI304	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3								3				3				3
5	02CHINHTRI305	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3								3				3				3
		Ngoại ngữ																	
6	02TANH101	Tiếng Anh cơ bản 1		3					3						3				3
7	02TANH102	Tiếng Anh cơ bản 2		3					3						3				3
8		Tiếng Anh ngành công nghệ kỹ thuật ô tô		3					3		3				3				3
		Khoa học xã hội – Nhân văn																	
9	02KHXH103	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3								3				3	4			3
10	02LUAT101	Pháp luật đại cương	3								3				3				3
11	02KINHTE100	Kinh tế học đại cương	3							3	3					3	3	3	
12	02quantri311	Quản trị kinh doanh		3							3				3			3	3
		Toán-Khoa học tự nhiên-Tin																	
13	02TOAN101	Toán cao cấp 1		3						3	3				3			3	
14	02TOAN202	Toán cao cấp 2		3						3	3		3		3			3	
15	02VATLY101	Vật lý đại cương		3							3		3		3			3	
16	02HOAHOC101	Hóa học đại cương		3							3				3				
17	02TINHOC101	Nhập môn tin học			3						3				3				3

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (CĐR)																
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ, trách nhiệm				
			KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KT6	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TC1	TC2	TC3	TC4	TC5
18	ĐHCQ0125	Kỹ thuật an toàn và môi trường cơ khí		3				3		3	3				3	3			3
		Kỹ năng mềm																	
19	ĐHCQ0123	Kỹ năng mềm	2								4				3				3
		Nhóm học phần tự chọn																	
20	ĐHCQ0117	Khởi nghiệp	3	3							3			3	3			3	
21	02KHXH105	Văn hóa kinh doanh	3								3				3				3
		Nhóm học phần điều kiện																	
		Giáo dục thể chất																	
22	ĐHCQ0072	Giáo dục thể chất 1	3								3								3
23	ĐHCQ0073	Giáo dục thể chất 2	3								3								3
24	ĐHCQ0074	Giáo dục thể chất 3	3								3								3
		Giáo dục QPAN																	
25	QPAN2020_1	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	3								3								3
26	QPAN2020_2	Công tác quốc phòng an ninh	3								3								3
27	QPAN2020_3	Quân sự chung	3								3								3
28	QPAN2020_4	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	3								3								3
II		**Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**																	
		2.1. Khối kiến thức cơ sở ngành																	
		Nhóm học phần bắt buộc																	
29	02DHCKT109	Cơ học lý thuyết				3					3							3	3
30	02KTHUAT102	Sức bền vật liệu				3					3							3	3
31	ĐHCQ0327	Vẽ kỹ thuật				4					3							3	3
32	02DHOTO101	Kỹ thuật nhiệt				3					3				3				3

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (CĐR)																
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ, trách nhiệm				
			KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KT6	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TC1	TC2	TC3	TC4	TC5
33	02DHcokhi462	Thủy lực đại cương				3				3	3				3	3			3
34	02dientu201	Kỹ thuật điện - điện tử				3				3	3				3	3			3
35	ĐHCQ0328	Chi tiết máy				3					3							3	3
		2.2. Khối kiến thức ngành																	
		Nhóm học phần bắt buộc																	
36	02DHmaymo311	Vật liệu cơ khí				3				3	3				3	3			3
37	02DHKTHUAT105	Dung sai - Kỹ thuật đo				3					3							3	3
38	02DHKTHUAT107	Công nghệ kim loại				3					3							3	3
39	ĐHCQ0222	Thực tập cơ khí (3TC)		4		4					4	4			4	4			4
40	ĐHCQ0044	Đồ án chi tiết máy				3					3							3	3
41	02cokhi431	Truyền động thủy lực và khí nén				3				3	3				3	3			3
		2.3. Khối kiến thức chuyên ngành																	
		Nhóm học phần bắt buộc																	
42	02DHOTO301	Nhiên liệu, dầu, mỡ và chất tẩy rửa						4			3			3		3	3	3	3
43	02DHOTO355	Động cơ đốt trong F1						4			3	4	4	4	4	4	3		3
44	02DHOTO356	Động cơ đốt trong F2						4			3	4	4	4	4		3		3
45	02DHOTO357	Hệ thống điện động cơ					4	4			3	4	4	4	4	4			3
46	ĐHCQ0077	Hệ thống điện thân xe					4	4			3	4	4	3		3	3	3	3
47	ĐHCQ0329	Kết cấu ô tô						4			4	4	3	4	4	4	4	3	3
48	02DHOTO361	Lý thuyết ô tô						4			4		3	4	4	4	4	3	3
49	02DHOTO362	Kỹ thuật sửa chữa ô tô						4			3	4	4	4	4	4	3		3

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (CĐR)																
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ, trách nhiệm				
			KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KT6	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TC1	TC2	TC3	TC4	TC5
50	ĐHCQ0330	Tin học ứng dụng ngành (CNKTOTO)						4		3	3	3		3	3				3
51	02DHOTO309	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô					4	4			3			3		3	3	3	3
52	ĐHCQ0227	Thực tập hộp số tự động						4			3	4	4	4	3	4	3		3
53	ĐHCQ0226	Thực tập hệ thống điều hòa không khí trên ô tô						4		4	3	3	3	3	3	3	3	3	3
54	02DHOTO364	Thực tập động cơ F1					4	4		3	3	4	4	4	4	4	4		3
55	02DHOTO365	Thực tập động cơ F2						4		4	3	3	3	3	3	3	3	3	3
56	ĐHCQ0331	Thực tập gầm ô tô						4		4	3	3	3	3	3	3	3	3	3
57	ĐHCQ0332	Thực tập hệ thống điện động cơ					4	4		3	3	4	4	4	4	4	4	3	3
58	ĐHCQ0333	Thực tập hệ thống điện thân xe					4	4		3	3	4	4	4	4	4	4	3	3
		Nhóm học phần tự chọn																	
59	ĐHCQ0228	Thực tập kỹ thuật bảo dưỡng ô tô					4	4			3	4	4	4	4		3	3	3
60	ĐHCQ0230	Thực tập kỹ thuật sửa chữa ô tô						4		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
61	02DHOTO323	Thực tập kỹ thuật lái xe						3				3			3				
		Nhóm học phần tốt nghiệp																	
62	ĐHCQ0334	Thực tập cuối khoá					4	4		3	3	4	4	4	4	4	4	3	3
63	ĐHCQ0335	Khóa luận tốt nghiệp					4	4		3	4	4	3	4	4	4	4	4	4
		Hoặc các môn thi thay thế Khóa luận tốt nghiệp																	
64	ĐHCQ0336	Thực tập hiệu chỉnh ô tô					4	4			3	4	4	4	4		3	3	3
65	ĐHCQ0337	Thực tập chẩn đoán ô tô					4	4			3	4	4	4	4		3	3	3

Chuẩn đầu ra về Kiến thức; Kỹ năng; Mức tự chủ, trách nhiệm *(Theo thang đo năng lực tổng hợp Mit)*

10. Tiến trình đào tạo

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		
				Lý thuyết	TH/BT/ TL/ĐA	Tự học
Học kỳ I						
1	02CHINHTRI302	Triết học Mác - Lênin	3	45	0	105
2	02TANH101	Tiếng Anh cơ bản 1	4	53	15	132
3	02TOAN101	Toán cao cấp 1	3	45	0	105
4	02TINHOC101	Nhập môn tin học	3	30	30	90
5	QPAN2020	Giáo dục quốc phòng an ninh	8.5	93	72	260
		Cộng khối lượng học kỳ I	**21.5**			
Học kỳ II						
1	02CHINHTRI303	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	0	70
2	02TANH102	Tiếng Anh cơ bản 2	4	53	15	132
3	02TOAN202	Toán cao cấp 2	3	45	0	105
4	02HOAHOC101	Hóa học đại cương	2	30	0	70
5	02VATLY101	Vật lý đại cương	4	45	30	125
6	ĐHCQ0123	Kỹ năng mềm	3	30	30	90
7	ĐHCQ0072	Giáo dục thể chất 1	1	0	30	20
		Cộng khối lượng học kỳ II	**19**			
Học kỳ III						
1	02KHXH103	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	30	0	70
2	02CHINHTRI201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	70
3	ĐHCQ0327	Vẽ kỹ thuật	3	30	30	90
4	02DHKTHUAT105	Dung sai- Kỹ thuật đo	2	30	0	70
5	02DHOTO101	Kỹ thuật nhiệt	2	30	0	70
6	02DHCKT109	Cơ học lý thuyết	3	45	0	105
7	02KTHUAT102	Sức bền vật liệu	2	30	0	70
8	ĐHCQ0073	Giáo dục thể chất 2	2	0	60	40
9		Phần tự chọn A (chọn 1 trong 2 học phần sau)	2			
	ĐHCQ0117	Khởi nghiệp	(2)	30	0	70
	02KHXH105	Văn hóa kinh doanh	(2)	30	0	70
		Cộng khối lượng học kỳ III	20			
Học kỳ IV						

1	02CHINHTRI305	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	70
2	02LUAT101	Pháp luật đại cương	2	30	0	70
3	02DHcokhi462	Thủy lực đại cương	2	30	0	70
4	02DHmaymo311	Vật liệu cơ khí	2	30	0	70
5	ĐHCQ0328	Chi tiết máy	2	30	0	70
6	ĐHCQ0044	Đồ án chi tiết máy	1	0	30	20
7	02dientu201	Kỹ thuật điện - điện tử	2	30	0	70
8	02DHKTHUAT107	Công nghệ kim loại	2	30	0	70
9	02cokhi431	Truyền động thủy lực và khí nén	3	30	30	90
10	ĐHCQ0074	Giáo dục thể chất 3	1	0	30	90
		Cộng khối lượng học kỳ IV	**19**			
Học kỳ V						
1	02CHINHTRI304	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0	70
2	02KINHTE100	Kinh tế học đại cương	2	30	0	70
3	ĐHCQ0222	Thực tập cơ khí (3TC)	3	0	90	60
4	02quantri311	Quản trị kinh doanh	2	30	0	70
5	02DHOTO355	Động cơ đốt trong F1	3	45	0	105
6	ĐHCQ0329	Kết cấu ô tô	4	60	0	140
		Cộng khối lượng học kỳ V	**16**			
Học kỳ VI						
1	02DHOTO301	Nhiên liệu dầu mỡ chất tẩy rửa	2	30	0	70
2	02DHOTO361	Lý thuyết ô tô	2	30	0	70
3	02DHOTO364	Thực tập động cơ F1	3	0	90	60
4	02DHOTO357	Hệ thống điện động cơ	3	45	0	105
5	ĐHCQ0330	Tin học ứng dụng ngành (CNKT OTO)	3	30	30	90
6	02DHOTO362	Kỹ thuật sửa chữa ô tô	3	30	30	90
7	ĐHCQ0125	Kỹ thuật an toàn và môi trường cơ khí	2	30	0	70
		Cộng khối lượng học kỳ VI	**18**			
Học kỳ VII						
1	ĐHCQ0226	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	30	0	70
2	ĐHCQ0077	Hệ thống điện thân xe	3	45	0	105
3	02DHOTO356	Động cơ đốt trong F2	2	30	0	70
4	ĐHCQ0326	Tiếng Anh ngành công nghệ kỹ thuật ô tô	2	30	0	70

5	ĐHCQ0331	Thực tập gầm ô tô	4	0	120	80
6	ĐHCQ0332	Thực tập hệ thống điện động cơ	3	0	90	60
		Cộng học kỳ VII	**16**			
Học kỳ VIII						
1	ĐHCQ0227	Thực tập hộp số tự động	3	0	90	60
2	ĐHCQ0226	Thực tập hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	0	60	40
3	02DHOTO365	Thực tập động cơ F2	3	0	90	60
4	ĐHCQ0333	Thực tập hệ thống điện thân xe	3	0	90	60
5		Phần tự chọn B (Chọn 2 trong 3 học phần sau)	6			
	ĐHCQ0228	Thực tập kỹ thuật bảo dưỡng ô tô	3	0	90	60
	ĐHCQ0230	Thực tập kỹ thuật sửa chữa ô tô	3	0	90	60
	02DHOTO323	Thực tập kỹ thuật lái xe	3	0	90	60
		Cộng khối lượng học kỳ VIII	**17**			
Học kỳ IX						
1	ĐHCQ0334	Thực tập cuối khoá	12	0	600	0
2	ĐHCQ0335	Khoá luận tốt nghiệp hoặc đăng ký học phần chuyên sâu thay thế	8	0	240	140
		Khoá luận tốt nghiệp (CNCK Ô tô)	8	0	240	140
	ĐHCQ0336	Thực tập hiệu chỉnh ô tô	4	0	120	80
	ĐHCQ0337	Thực tập chẩn đoán ô tô	4	0	120	80
		Cộng khối lượng học kỳ IX	20			
		Tổng số tín chỉ toàn khóa (chưa kể GDQP và GDTC)	**154**			

Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần thuộc Chương trình đào tạo được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp trực tiếp với trực tuyến, đảm bảo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh về tổ chức đào tạo.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

TS. Hoàng Hùng Thắng

TRƯỞNG KHOA

TS. Lê Quý chiến